TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 556/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1865/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngô H** sinh năm 1958

Địa chỉ thường trú: 2623 Darien Dr Jeffersonville In 47130 USA.

Địa chỉ liên lạc: 67 đường số 4, khu dân cư BH, huyện BC, Thành phố H

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn T**, sinh năm 1972

Địa chỉ thường trú: 194 Lầu 3 đường TBT, Phường B, Quận N, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 52 Khu tập thể A, phường VP, quận BĐ, Thành phố N

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13.11.2017 và trong quá trình tố tụng, ông Ngô H - nguyên đơn trình bày:

Ngày 31.3.2009, ông và bà Nguyễn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1243, quyển số 05 ngày 02.4.2009).

Trong quá trình chung sống, phần lớn thời gian ông Ngô H sinh sống và làm việc ở nước ngoài, mỗi năm chỉ về Việt Nam từ 03 đến 04 tháng để thăm vợ, con nên vợ chồng không có điều kiện ở gần bên nhau từ đó mâu thuẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Ông Ngô H yêu cầu được ly hôn với bà Thu để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Ngô H và bà Nguyễn T có 01 con chung tên Ngô Quốc T – sinh ngày 11.5.2004. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20.3.2018, bà Nguyễn T trình bày:

Bà và ông Ngô H tự nguyện sống chung sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1243, quyển số 05 ngày 02.4.2009).

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên tranh cãi do bất đồng quan điểm, bên cạnh đó mỗi người ở một nơi nên mâu thuẫn xảy ra không thể giải quyết được kịp thời dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc.

Bà Nguyễn T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Ngô H

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Ngô Quốc T – sinh ngày 11.5.2004. Bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông H

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Ngô H và bà Nguyễn T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ, bị đơn có nơi cư trú tại Quận N, Thành phố H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1243, quyển số 05 ngày 02.4.2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô H và bà Nguyễn T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Ngô H và bà Nguyễn T thì sau khi kết hôn, thời gian cả hai chung sống thực tế với nhau rất ngắn, mâu thuẫn phát sinh thường không được giải quyết kịp thời và do xa cách nên mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc ông H yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống và phía bà T cũng đồng ý, đây là yêu cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Ngô H và bà T có 01 con chung tên Ngô Quốc T – sinh ngày 11.5.2004, hiện trẻ đang sống chung với cha nên việc ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vừa đảm bảo được sự ổn định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn T về việc giao con chung cho ông Ngô H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông Ngô H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà Nguyễn T và ông Ngô H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô H

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Ngô H được ly hôn với bà Nguyễn T.

- Về con chung: Giao trẻ Ngô Quốc T – sinh ngày 11.5.2004 cho ông Ngô H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn T cho đến khi có yêu cầu của ông Ngô H

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Ngô H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà T nếu việc

thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có căn cứ Cha, mẹ; Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích của con chung, bên trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Ngô H chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0048284 ngày 01.12.2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Ngô H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Ngô H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
- Cục Thi hành án dân sự TP.H;
- Ủy ban nhân dân Thành phố H;
- Sở Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan